

Phụ lục II

THỐNG KÊ TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022-2023

TT	Cấp học	Số trường				Số lớp			Số học sinh			
		Tổng số	Công lập	Ngoài CL	Số điểm trường (kể cả điểm chính)	Tổng số	Công lập	Ngoài CL	Tổng số	Công lập	Ngoài CL	Tỉ lệ HS ngoài CL (%)
1	Mầm non	230	226	4	454	3.966	3.526	440	104.314	96.185	8.129	7,79
	- Nhóm trẻ					962	800	162	17.158	14.685	2.473	14,41
	- Lớp Mẫu giáo					3.004	2.726	278	87.156	81.500	5.656	6,50
2	Tiểu học	227	227	0	317	4.840	4.840	0	170.621	170.621	0	
3	THCS	226	226	0	235	3.032	3.032	0	117.269	117.269	0	
4	THPT	57	45	12	57	1.392	1.234	158	57.374	50.103	7.271	12,67
5	GDTX	11	11	0	15	237	237	0	9.487	9.487		
*	Cộng	751	735	16	1.078	13.467	12.869	598	459.065	443.665	15.400	